TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2023
V/v "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trọng Lượng
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982.

Bị đơn: A Đinh Tuấn A, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Khu Q, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T và anh A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và A Đinh Tuấn A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 12/11/1999. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vào năm 2022, nguyên nhân do anh A thường xuyên uống rượu và hay xúc phạm bản thân chị. Chị đã cố gắng chịu đựng và khuyên bảo nhưng anh không nghe. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Đinh Kim X, sinh ngày 23/10/2000 và Đinh Xuân S sinh ngày 07/02/2003. Hiện nay các con

chung đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không đề nghị giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đinh Tuấn A trình bày tại bản tự khai và các biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian cưới, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không nghiêm trọng. Đến năm 2020 chị T đòi ly hôn nhưng tôi khuyên bảo và động viên chị T nhưng không nghe. Nay chị T xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng, muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản xác minh với Trưởng khu và đại diện UBND xã N đã cung cấp:

Chị T và anh A mâu thuẫn cụ thể địa phương không biết được. Chỉ biết chị T có đơn xin ly hôn anh A vì có mâu thuẫn, gia đình 2 bên đã hòa giải và động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đề nghị căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Anh chị có 02 con chung đã trưởng thành.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho đương sự.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Đinh Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đinh Kim X, sinh ngày 23/10/2000 và Đinh Xuân S, sinh ngày 07/02/2003. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Bị đơn anh Đinh Tuấn A đang cư trú tại xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] *Tại phiên tòa hôm nay* chị Trần Thị T và anh Đinh Tuấn A đều vắng mặt, tuy nhiên các bên đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đinh Tuấn A và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ vào ngày 12/11/1999, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Đinh Tuấn A và chị Trần Thị T được đại diện khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã N cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh A và chị T không biết được cụ thể, nhưng vợ chồng có mâu thuẫn, gia đình 2 bên đã hòa giải và động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tòa án đã kết hợp với cán bộ xã kiên trì hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh A không muốn ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh A là đúng thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị T và anh A có 02 con chung tên là Đinh Kim X, sinh ngày 23/10/2000 và Đinh Xuân S, sinh ngày 07/02/2003, hiện nay con chung đã trưởng thành. Các bên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị T và anh A không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Đinh Tuấn A.

2. Về con chung: Xác nhận chị T và anh A có 02 con tên là Đinh Kim X, sinh ngày 23/10/2000 và Đinh Xuân S, sinh ngày 07/02/2003, hiện nay con chung đã trưởng thành. Chị T và anh A không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Trần Thị T và anh Đinh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008617 ngày 14/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện YL;
- UBND xã N,
huyện YL, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Tuấn Anh